

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN: MỞ RỘNG THAO TRƯỜNG HUẤN LUYỆN BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH LAI CHÂU

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Mở rộng thao trường huấn luyện Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lai Châu

- Địa điểm thực hiện: Phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu

- Chủ dự án đầu tư: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lai Châu

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

Thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để mở rộng thao trường với tổng diện tích khoảng 69,46 ha. Xây dựng mới tường rào bảo vệ bao quanh thao trường, chiều dài khoảng 4.300m.

Tổng diện tích sử dụng đất của dự án là: 69,46 ha. Trong đó mặt bằng hiện trạng là 12,3 ha; đất mở rộng là 57,16 ha.

1.3. Công nghệ sản xuất: Không

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

- Xây mới tường rào bảo vệ bao quanh thao trường, chiều dài khoảng 4.300m.

b. Hoạt động của dự án

* Giai đoạn dọn dẹp mặt bằng, thi công xây dựng.

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng, chuẩn bị mặt bằng để thi công dự án.

- Hoạt động vận chuyển và tập kết nguyên vật liệu.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình

- Hoạt động hoàn trả mặt bằng tại các vị trí bố trí công trường.

* Giai đoạn hoạt động.

- Hoạt động diễn tập phòng thủ

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án chiếm dụng diện tích đất rừng phòng hộ với diện tích là 8,12 ha là yếu tố nhạy cảm về môi trường căn cứ điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, được quy định chi tiết tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và khoản 4 Điều 5 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư:

a. Vị trí, ranh giới dự án

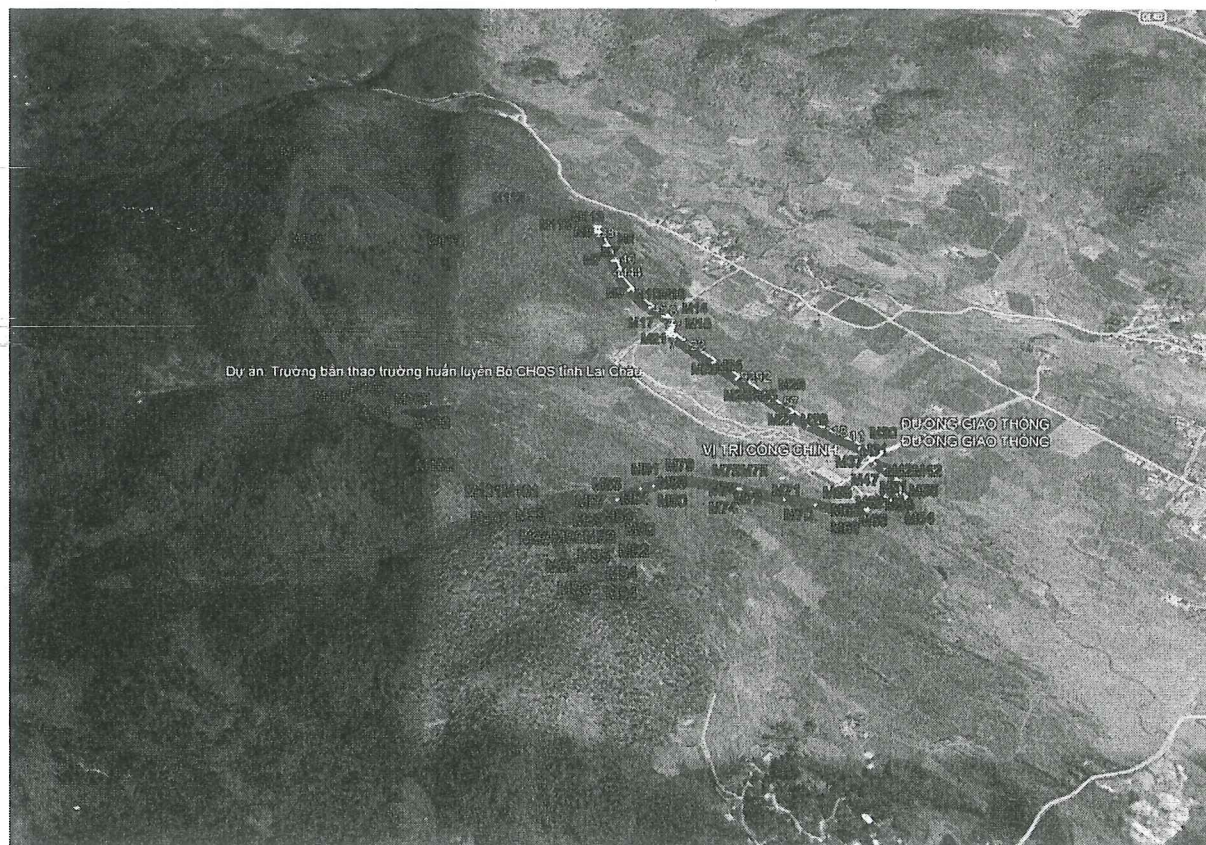
Địa điểm xây dựng: Phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu

Bảng 1.1: Mốc tọa độ thu hồi đất của dự án

TT	Tên cọc	X	Y	TT	Tên cọc	X	Y
1	M1	2.480.596,653	540.629,924	58	M58	2.479.736,320	541.207,220
2	M2	2.480.586,620	540.629,719	59	M59	2.479.745,050	541.197,370
3	M3	2.480.571,718	540.631,283	60	M60	2.479.743,430	541.186,120
4	M4	2.480.561,966	540.633,067	61	M61	2.479.738,840	541.179,380
5	M5	2.480.543,110	540.638,862	62	M62	2.479.721,930	541.164,240
6	M6	2.480.507,797	540.651,849	63	M63	2.479.717,440	541.162,130
7	M7	2.480.460,133	540.668,978	64	M64	2.479.715,560	541.159,550
8	M8	2.480.416,111	540.682,340	65	M65	2.479.710,970	541.159,210
9	M9	2.480.377,915	540.703,305	66	M66	2.479.709,880	541.157,500
10	M10	2.480.318,248	540.749,604	67	M67	2.479.710,105	541.153,661
11	M11	2.480.289,857	540.777,682	68	M68	2.479.702,080	541.134,430
12	M12	2.480.286,300	540.781,200	69	M69	2.479.702,436	541.109,278
13	M13	2.480.279,300	540.785,630	70	M70	2.479.718,142	541.057,464
14	M14	2.480.273,120	540.793,140	71	M71	2.479.732,768	540.998,621
15	M15	2.480.261,370	540.794,360	72	M72	2.479.751,957	540.936,132
16	M16	2.480.252,270	540.792,740	73	M73	2.479.758,865	540.923,442
17	M17	2.480.245,290	540.792,480	74	M74	2.479.762,349	540.916,479

TT	Tên cọc	X	Y	TT	Tên cọc	X	Y
18	M18	2.480.240,370	540.794,870	75	M75	2.479.763,134	540.911,087
19	M19	2.480.236,560	540.791,920	76	M76	2.479.766,486	540.900,984
20	M20	2.480.229,900	540.792,620	77	M77	2.479.774,440	540.858,761
21	M21	2.480.222,840	540.791,210	78	M78	2.479.787,797	540.807,299
22	M22	2.480.220,040	540.794,000	79	M79	2.479.783,101	540.778,437
23	M23	2.480.135,650	540.878,160	80	M80	2.479.770,353	540.747,342
24	M24	2.480.087,912	540.925,767	81	M81	2.479.760,365	540.722,977
25	M25	2.480.036,623	540.976,923	82	M82	2.479.744,026	540.703,810
26	M26	2.480.023,010	540.990,500	83	M83	2.479.715,788	540.677,384
27	M27	2.479.982,520	541.030,871	84	M84	2.479.695,197	540.664,738
28	M28	2.479.948,030	541.065,270	85	M85	2.479.669,525	540.660,189
29	M29	2.479.879,210	541.161,290	86	M86	2.479.656,560	540.656,492
30	M30	2.479.871,830	541.168,960	87	M87	2.479.647,356	540.654,829
31	M31	2.479.870,020	541.173,800	88	M88	2.479.618,960	540.658,200
32	M32	2.479.866,490	541.177,090	89	M89	2.479.599,019	540.662,556
33	M33	2.479.861,320	541.179,080	90	M90	2.479.584,202	540.661,430
34	M34	2.479.856,330	541.178,300	91	M91	2.479.546,993	540.666,090
35	M35	2.479.851,390	541.176,490	92	M92	2.479.519,685	540.660,550
36	M36	2.479.843,670	541.177,740	93	M93	2.479.496,920	540.654,200
37	M37	2.479.842,130	541.182,500	94	M94	2.479.456,910	540.635,190
38	M38	2.479.834,200	541.187,700	95	M95	2.479.448,765	540.624,787
39	M39	2.479.818,870	541.205,470	96	M96	2.479.439,153	540.609,533
40	M40	2.479.807,920	541.215,280	97	M97	2.479.511,002	540.573,160
41	M41	2.479.793,670	541.225,110	98	M98	2.479.536,269	540.560,368
42	M42	2.479.788,150	541.228,170	99	M99	2.479.628,026	540.473,498
43	M43	2.479.783,260	541.225,940	100	M100	2.479.643,277	540.459,058
44	M44	2.479.785,190	541.221,550	101	M101	2.479.667,393	540.436,227

TT	Tên cọc	X	Y	TT	Tên cọc	X	Y
45	M45	2.479.774,260	541.218,350	102	M102	2.479.757,822	540.359,334
46	M46	2.479.766,810	541.221,000	103	M103	2.479.823,578	540.303,420
47	M47	2.479.760,870	541.212,470	104	M104	2.479.953,560	540.210,769
48	M48	2.479.750,390	541.221,410	105	M105	2.479.971,273	540.198,143
49	M49	2.479.753,720	541.228,990	106	M106	2.480.016,729	540.165,742
50	M50	2.479.750,580	541.234,720	107	M107	2.480.121,011	540.091,410
51	M51	2.479.743,830	541.239,540	108	M108	2.480.288,180	539.972,253
52	M52	2.479.738,650	541.235,230	109	M109	2.480.394,982	539.981,357
53	M53	2.479.729,050	541.246,810	110	M110	2.480.581,819	539.997,284
54	M54	2.479.711,870	541.238,920	111	M111	2.480.530,383	540.292,143
55	M55	2.479.711,370	541.235,710	112	M112	2.480.548,788	540.444,346
56	M56	2.479.715,060	541.232,060	113	M113	2.480.581,191	540.569,975
57	M57	2.479.723,070	541.220,620				



Hình 1.1. Vị trí thực hiện dự án qua bản đồ vệ tinh

Tổng diện tích sử dụng đất của dự án là 69,46 ha. Trong đó đất hiện trạng là 12,3 ha; đất mở rộng là 57,16 ha.

Bảng 1.2. Diện tích chiếm dụng từng loại đất

STT	Loại đất	Diện tích chiếm dụng (ha)
I	Đất hiện trạng	12,3
II	Đất mở rộng	57,16
1	Đất thủy lợi (ĐTL)	16,69
2	Đất rừng sản xuất (RSX)	0,19
3	Đất rừng phòng hộ (RPH)	8,12
4	Đất đồi núi chưa sử dụng (DCS)	1,37
5	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK)	27,34
6	Đất trồng lúa nước còn lại	3,45
Tổng		69,46

b. Mô tả mối tương quan của dự án với các đối tượng xung quanh.

- Dự án cách khu dân cư gần nhất của phường Đoàn Kết khoảng 175m ở phía Đông Bắc của dự án.

- Xung quanh dự án hầu như là đất nông nghiệp và rừng

c. Mô tả các đối tượng nhạy cảm xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Dự án tiếp giáp với rừng phòng hộ.

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư:

2.2.1. Tóm tắt các tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

* Giai đoạn xây dựng

- Các hoạt động trong giai đoạn này gồm: giải phóng mặt bằng, vận chuyển nguyên vật liệu, thi công các hạng mục công trình

- Các hoạt động này sẽ gây ra các tác động:

+ Phát sinh bụi, khí thải do quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị thi công;

+ Phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt do việc tập trung công nhân;

+ Phát sinh nước thải trong quá trình thi công xây dựng;

+ Phát sinh chất thải rắn, đất đá thải do hoạt động đào đắp

+ Phát sinh chất thải nguy hại từ dầu mỡ thừa của máy móc, giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang từ các khu lán trại....

* Giai đoạn vận hành

- Các hoạt động trong giai đoạn này gồm: hoạt động giao thông, hoạt động bảo trì, sửa chữa tuyến đường

- Các hoạt động này sẽ gây ra các tác động:

+ Khí thải từ hoạt động giao thông trên tuyến;

+ Chất thải rắn, chất thải sinh hoạt do hoạt động tập trung công nhân sửa chữa;

+ Chất thải rắn trong quá trình sửa chữa;

+ Chất thải nguy hại từ dầu mỡ thừa của máy móc, giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang từ các khu lán trại....

2.2.2 Tóm tắt các tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

Từ các hoạt động trên sẽ gây ra tiếng ồn, độ rung, ảnh hưởng đến hệ sinh thái

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường:

2.3.1. Mô tả các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

1. Giai đoạn thi công

a. Nước thải sinh hoạt

- Không bố trí lán trại sinh hoạt của công nhân trên công trường thi công. Công nhân thuê nhà trong các khu dân cư để ở và sinh hoạt để giảm thiểu tối đa lượng phát thải ra khu vực thi công.

- Chủ đầu tư quản lý và giám sát chặt chẽ nhà thầu đảm bảo tuyệt đối không xả nước thải trực tiếp vào môi trường trên cơ sở các điều khoản ghi trong kế hoạch quản lý môi trường của nhà thầu;

+ Ưu điểm: Đơn giản, dễ áp dụng.

+ Mức độ khả thi: Tương đối cao.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc

gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

- Vị trí xả thải: Khu vực lán trại của công nhân.

b. Nước thải thi công xây dựng

- * Nước thải thi công các hạng mục công trình

- Sử dụng nguyên vật liệu cát, đá sạch trong quá trình thi công để không làm phát sinh nước thải từ hoạt động rửa vật liệu.

- Nước thải thi công dẫn vào hệ thống rãnh thoát nước kích thước (0,3x0,3)m qua hố lắng. Bố trí 01 hố lắng bằng đất, lót bạt bên dưới để nước thải không bị ngấm xuống đất với kích thước (2x1,5x1)m xử lý lắng đọng trước khi chảy ra ngoài môi trường.

- Định kỳ nạo vét hệ thống rãnh thoát nước và hố lắng hoặc đột xuất khi mưa lớn. Chất thải từ quá trình nạo vét với thành phần là đất, cát được vận chuyển đưa đi đổ tại bãi đổ thải của dự án.

c. Nước mưa chảy tràn

- Nạo vét hố lắng và khơi thông rãnh thoát nước hiện có của thao trường tại các vị trí để các chất cặn không đọng lại gây ách tắc dòng chảy.

d. Bụi, khí thải

- * *Bụi do vận chuyển và tập kết nguyên vật liệu*

- Che bạt phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu hay đất đá thải;

- Yêu cầu các chủ phương tiện tham gia đổ thải chạy đúng tốc độ, đúng quy định về an toàn giao thông;

- Đảm bảo định kỳ bảo dưỡng và đánh giá chất lượng khí thải của xe, không sử dụng xe đã quá niên hạn sử dụng;

- Phân bố mật độ xe ra vào chuyên chở nguyên vật liệu phù hợp, có bố trí người cảnh giới và chỉ đường để tránh ùn tắc giao thông gây ô nhiễm cho khu vực;

- Bố trí công nhân thực hiện thu gom, quét dọn vật liệu bị rơi vãi. Chất thải rơi vãi được vận chuyển đổ thải cùng với đất đá thừa từ dự án;

- Phun nước dập bụi trên tuyến đường vận chuyển vào các ngày nắng với tần suất 2 – 4 lần/ngày nhằm hạn chế bụi phát tán trong quá trình vận chuyển;

- Yêu cầu các xe vận chuyển khi đi ra ngoài phạm vi dự án cần đi qua cầu rửa xe tại vị trí cổng ra vào dự án để rửa xe trước khi chạy ra ngoài.

- * *Khí thải từ hoạt động của máy móc, thiết bị*

- Tổ chức thi công hợp lý, chỉ vận hành các máy móc, thiết bị và phương

tiện đạt tiêu chuẩn cho phép;

- Bảo trì máy móc, thiết bị định kỳ trong suốt thời gian thi công;
- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để tiết kiệm nhiên liệu và giảm thải ở mức thấp nhất;
- Máy móc, thiết bị thi công sau khi sử dụng sẽ được vệ sinh sạch và tập kết tại các địa điểm quy định trên công trường;
- Trang bị các thiết bị bảo hộ cho công nhân.

đ. Chất thải rắn sinh hoạt

Thực hiện thu gom, phân loại tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Lai Châu; được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 46/2026/QĐ-UBND ngày 20/6/2026.

- Tại mỗi khu vực lán trại, bố trí 03 thùng rác dung tích 120 lít để thu gom rác thải phát sinh tại nơi ở của công nhân để thực hiện phân loại chất thải gồm chất thải theo hướng dẫn của Quyết định số 35/QĐ-UBND, được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 46/2026/QĐ-UBND ngày 20/6/2026. Cụ thể gồm nhóm chất thải hữu cơ, nhóm chất thải có khả năng tái chế, nhóm chất thải khác.

- Đối với chất thải hữu cơ như cơm, rau củ quả thừa hàng ngày sẽ được thu gom cho vào thùng riêng có nắp đậy và tận dụng cho người dân xung quanh làm thức ăn chăn nuôi. Ngoài ra, người đứng đầu đơn vị thi công khuyến khích công nhân chế biến thức ăn vừa đủ với số lượng người để hạn chế chất thải này phát sinh;

- Đối với chất thải có khả năng tái chế như bìa, vỏ chai nhựa... sẽ được thu gom vào thùng chứa có nắp đậy, công nhân có thể bán cho đơn vị thu mua hàng tái chế hoặc hàng ngày thuê đơn vị có chức năng đến vận chuyển và xử lý tần suất 3 ngày/lần hoặc khi thùng đầy.

- Đối với chất thải khác như túi nilon cũng sẽ được thu gom vào thùng chứa có nắp đậy và khi thùng đầy đưa ra lò đốt chất thải thông thường của xã để xử lý.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của công nhân về vệ sinh môi trường, xử phạt hành chính đối với các trường hợp vi phạm.

e. Chất thải rắn thông thường

- * Chất thải rắn trong xây dựng

- Phế thải phát sinh từ hoạt động xây dựng: Thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- + Sử dụng vật liệu đúng quy cách, đúng tiêu chuẩn tránh thừa gây lãng phí và hạn chế lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công.

+ Chủ đầu tư sẽ cùng với đơn vị thi công có biện pháp thu gom, phân loại, tận thu sử dụng và xử lý đối với tùy loại chất thải rắn xây dựng phát sinh trên để đảm bảo vệ sinh môi trường tại khu vực Dự án và tránh chiếm chỗ, cản trở giao thông tại khu vực.

+ Mẩu sắt, thép, vỏ bao xi măng được bán cho các đơn vị thu gom phế liệu.

+ Chất thải rắn không tận dụng được (gạch vỡ, cát, đá vôi vữa rơi vãi, bê tông chết) thực hiện thu gom và đem đi đổ thải cùng với đất đá thừa từ quá trình đào đắp.

2. Giai đoạn vận hành

Việc giảm thiểu các tác động do bụi, khí thải và tiếng ồn và ảnh hưởng đến hệ sinh thái trong quá trình diễn tập rất khó để có thể đưa ra biện pháp, đây là tác động không thể đảo ngược. Tuy nhiên như đã nêu, hiện trạng rừng sau khi thu hồi chỉ là chuyển đổi mục đích sử dụng đất chứ không làm thay đổi cảnh quan, rừng không bị chặt hạ nên cũng góp phần làm giảm thiểu bụi, khí thải trong hoạt động diễn tập

2.3.2. Mô tả các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

1. Giai đoạn thi công

a. Tiếng ồn, độ rung

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, hạn chế vận chuyển vật liệu trên các tuyến đường giao thông vào giờ cao điểm, các xe vận chuyển không chạy quá tốc độ. Ngoài ra các máy móc có tiếng ồn lớn không vận hành sau 22h;

- Các xe tham gia vận chuyển đổ thải và nguyên vật liệu cần chở đúng tải trọng để không làm ảnh hưởng đến các công trình giao thông hiện có;

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị, máy móc, xe đồng thời không sử dụng loại xe, máy móc không đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường;

- Đối với các thiết bị gây ồn sẽ được thiết kế giảm độ ồn cho máy khi vận hành. Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị, thay thế linh kiện xuống cấp;

- Hạn chế hoạt động đồng thời của các thiết bị có độ ồn cao.

b. Đa dạng sinh học

- Chỉ thực hiện dự án trong khu vực đã được quy hoạch, không được lấn chiếm thêm diện tích;

- Không tập kết chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại ra khu vực đất sản xuất của người dân;

- Phổ biến cho công nhân về ý thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường tại các khu vực xung quanh, không xâm phạm ngoài chỉ giới của dự án.

- Thành lập đội giám sát thi công để đảm bảo hoạt động thi công được xây dựng trong đúng phạm vi cho phép cũng như giám sát các hoạt động bảo vệ môi trường khác.

- Trong quá trình thi công, trường hợp phát hiện động vật thuộc Sách Đỏ Việt Nam hoặc loài nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật, Nhà thầu sẽ tạm dừng thi công tại khu vực liên quan, khoanh vùng bảo vệ và báo cáo kịp thời cho Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát và cơ quan Kiểm lâm địa phương. Việc bảo vệ, cứu hộ, bảo tồn chuyển chỗ các cá thể động vật chỉ được thực hiện khi có ý kiến chấp thuận và hướng dẫn bằng văn bản của cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp, đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Lâm nghiệp, Luật Đa dạng sinh học và các văn bản pháp luật có liên quan.

c. Kinh tế - xã hội

Tác động do chiếm dụng đất để xây dựng công trình giao thông vì lợi ích quốc gia là một loại tác động không thể đảo ngược. Biện pháp giảm thiểu hiệu quả nhất là thực hiện tốt phương án tổng thể về bồi thường được xây dựng theo các quy định của Nhà nước từ Trung ương đến địa phương có tính đến nguyện vọng của người bị ảnh hưởng.

- Đo đạc chính xác diện tích chiếm đất và đối chiếu với các tài liệu quản lý địa chính để xác định ranh với các loại đất khác để làm căn cứ lập đền bù.

- Xác định cụ thể các loại đất, hạng đất và tài sản trên đất để áp giá đền bù.

- Lập biên bản, thanh toán kinh phí đền bù trực tiếp cho chủ sở hữu được đền bù theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Mặt khác, chủ đầu tư cần thực thi nghiêm túc và minh bạch chính sách đền bù, để nhanh chóng ổn định đời sống sinh hoạt người dân trong vùng dự án.

2. Giai đoạn vận hành

Việc giảm thiểu các tác động do bụi, khí thải và tiếng ồn và ảnh hưởng đến hệ sinh thái trong quá trình diễn tập rất khó để có thể đưa ra biện pháp, đây là tác động không thể đảo ngược. Tuy nhiên như đã nêu, hiện trạng rừng sau khi thu hồi chỉ là chuyển đổi mục đích sử dụng đất chứ không làm thay đổi cảnh quan, rừng không bị chặt hạ nên cũng góp phần làm giảm thiểu bụi, khí thải trong hoạt động diễn tập.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

2.4.1. Tóm tắt chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

a. Chương trình quản lý môi trường

- Mục tiêu của chương trình quản lý môi trường của Dự án là đề ra một chương trình nhằm quản lý các vấn đề về bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, xây dựng các công trình và trong quá trình Dự án đi vào vận hành, bao gồm:

+ Đưa ra một kế hoạch quản lý việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đã được cơ quan quản lý môi trường phê duyệt và được chuyển hoá thành các điều khoản trong chỉ dẫn kỹ thuật của Dự án;

+ Đảm bảo quản lý đúng các chất thải, đưa ra được cơ cấu phản ứng nhanh các vấn đề và sự cố môi trường và quản lý giải quyết khẩn cấp các sự cố môi trường;

+ Thu thập một cách liên tục các thông tin về sự biến đổi chất lượng môi trường trong quá trình thực hiện Dự án, để kịp thời phát hiện bổ sung đánh giá những tác động xấu đến môi trường và đề xuất các biện pháp ngăn ngừa và giảm thiểu ô nhiễm môi trường tương ứng.

b. Chương trình giám sát môi trường

Chương trình giám sát chất lượng môi trường là một trong những yêu cầu quan trọng của công tác quản lý chất lượng môi trường và cũng là một phần quan trọng trong công tác đánh giá tác động môi trường. Để đảm bảo khi Dự án đi vào hoạt động không gây tác động đến môi trường xung quanh và để đánh giá hiệu quả các biện pháp xử lý chất thải, chương trình giám sát môi trường được đề xuất sau đây sẽ áp dụng trong thời gian xây dựng và hoạt động của Dự án. Chủ đầu tư sẽ thực hiện báo cáo giám sát môi trường gửi về cơ quan quản lý môi trường theo quy định hiện hành. Việc giám sát môi trường sẽ được bắt đầu đồng thời với công tác bắt đầu lắp đặt máy móc và sẽ tiếp tục trong suốt giai đoạn vận hành Dự án. Trách nhiệm giám sát môi trường giai đoạn thi công Dự án thuộc về các nhà thầu thi công và được chủ đầu tư giám sát thực hiện.

2.4.2. Tóm tắt phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

- Công nhân trực tiếp làm việc tại công trường sẽ được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ;

- Các loại nhiên liệu, hóa chất dễ bắt lửa được lưu trữ tại các kho cách ly riêng biệt, tránh xa nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện;

- Các máy móc, thiết bị thi công sẽ được quản lý thông qua hồ sơ lý lịch, được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng;

- Đường ra vào và trong nội bộ công trường được bố trí thuận tiện cho xe chữa cháy thực hiện nhiệm vụ khi có sự cố;

- Ban hành nội quy cấm công nhân hút thuốc, không gây phát lửa tại các khu vực có thể bắt cháy;

- Đối với hoạt động đốt nhựa đường cần có sự giám sát trong quá trình đốt để không cháy lan ra ngoài phạm vi thực hiện; sau khi đốt xong cần lấy nước dập tắt hoàn toàn để không còn mối lửa gây hỏa hoạn.

- Phối hợp chặt chẽ với cảnh sát PCCC, phòng chống và xử lý kịp thời, khắc phục sự cố nếu có.

- Phối hợp với chính quyền địa phương và lực lượng kiểm lâm để hỗ trợ trong các trường hợp cháy rừng.

2.5. Các nội dung khác: Không

3. Cam kết của Chủ dự án

Trên cơ sở những tác động môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án và các điều khoản trong Luật Bảo vệ môi trường, các Nghị định, Thông tư, quyết định, Pháp lệnh về bảo vệ môi trường của Việt Nam, Chủ đầu tư cam kết:

- Cam kết về độ chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Cam kết có biện pháp, kế hoạch, nguồn lực để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án; thực hiện đầy đủ các ý kiến đã tiếp thu trong quá trình tham vấn; chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành dự án.

- Cam kết đảm bảo tính khả thi khi thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

- Cam kết thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường theo như báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu.

- Cam kết thực hiện đầy đủ thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của Luật Lâm nghiệp và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn.

ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN



Đại tá Hoàng Thanh Bình

Ghi chú: Báo cáo ĐTM được niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã từ ngày 21 tháng 9 năm 2026